

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO  
BÌ BIÊN HÒA  
BIEN HOA PACKAGING  
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: 28 / SVI-2024  
No.: 28 / SVI-2024

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2024  
Dong Nai, day 19 month 04 year 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/ BIEN HOA PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: SVI
- Địa chỉ/Address: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ Street No. 7, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City, Dong Nai Province, Viet Nam.
- Điện thoại/Tel.: 0251.3836121 - Fax: 0251.3832939 - E-mail: [ducph@sovi.com.vn](mailto:ducph@sovi.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2024 - Công ty CP Bao bì Biên Hòa (SOVI).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2024 tại [https://sovi.com.vn/?page\\_id=2906](https://sovi.com.vn/?page_id=2906)/ This information was published on the company's website on 19/04/2024, as at [https://sovi.com.vn/?page\\_id=2906](https://sovi.com.vn/?page_id=2906)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby certify that the information provided is true, correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:  
BCTC Quý 1/2024.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information



PHẠM HỒNG ĐỨC/ PHAM HONG DUC

Giám đốc tài chính/ CFO

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

Báo cáo tài chính quý 1 năm 2024  
cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp** 4703000057 ngày 14 tháng 8 năm 2003  
3600648493 ngày 24 tháng 1 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600648493 ngày 24 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Jakjit Klomsing	Chủ tịch
Ông Sompob Witworrasakul	Phó Chủ tịch
Ông Hirofumi Hori	Thành viên
Ông Toshinobu Sada	Thành viên
Ông Ekarach Sinnarong	Thành viên
Ông Đinh Quang Hùng	Thành viên
Bà Saranya Skontanarak	Thành viên
Ông Piyapong Jriyasetapong	Thành viên
Ông Amnuay Pattaramongkolkul	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Krasame Singhakul	Trưởng ban
Ông Wattana Intachoom	Thành viên
Bà Theamhathai Tibfan	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Diệp	Giám đốc điều hành
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc điều hành
Ông Phạm Hồng Đức	Giám đốc tài chính

**Người đại diện  
theo Pháp luật**

Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

**Trụ sở đăng ký**

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1  
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2024**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>999.982.409.430</b>	<b>943.124.263.576</b>
Tiền	110	4	39.188.896.660	52.975.164.596
Tiền	111		39.188.896.660	52.975.164.596
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>494.701.000.000</b>	<b>410.990.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	494.701.000.000	410.990.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>313.652.058.832</b>	<b>321.180.782.509</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	291.421.927.740	311.268.190.210
Trả trước cho người bán	132	7	14.817.082.448	6.568.480.504
Phải thu khác	136	8	8.075.940.475	4.007.003.626
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(662.891.831)	(662.891.831)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>149.485.973.592</b>	<b>156.581.930.590</b>
Hàng tồn kho	141		150.276.932.341	157.372.889.339
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(790.958.749)	(790.958.749)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.954.480.346</b>	<b>1.396.385.881</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	2.953.954.338	1.396.385.881
Thuế và các khoản khác phải thu NN	153		526.008	
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>274.278.931.823</b>	<b>281.219.974.144</b>
<b>Các khoản phải thu - dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>103.025.000</b>	<b>98.025.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		103.025.000	98.025.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>131.226.439.472</b>	<b>138.718.092.317</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	131.150.356.137	138.637.858.983
Nguyên giá	222		674.096.500.907	674.120.286.278
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(542.946.144.770)	(535.482.427.295)
Tài sản cố định vô hình	227	13	76.083.335	80.233.334
Nguyên giá	228		3.048.022.613	3.048.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.971.939.278)	(2.967.789.279)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.373.274.883</b>	<b>12.882.207.253</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	14.373.274.883	12.882.207.253
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>128.576.192.468</b>	<b>129.521.649.574</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	126.109.676.338	127.055.133.444
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	2.466.516.130	2.466.516.130
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.274.261.341.253</b>	<b>1.224.344.237.720</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý này

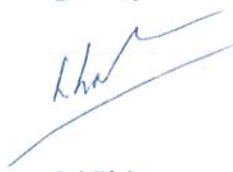
**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>423.549.012.203</b>	<b>394.594.428.588</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>417.885.112.436</b>	<b>388.913.773.081</b>
Phải trả người bán	311	16	268.550.861.048	302.361.261.520
Người mua trả tiền trước	312		53.992.208	21.391.884
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	7.350.170.324	10.933.342.167
Phải trả người lao động	314		10.600.459.317	10.621.264.382
Chi phí phải trả	315	18	16.385.608.949	27.633.084.458
Phải trả ngắn hạn khác	319		3.694.476.392	3.735.609.722
Vay ngắn hạn	320	19	111.249.271.043	33.607.545.793
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	273.155	273.155
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.663.899.767</b>	<b>5.680.655.507</b>
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	5.663.899.767	5.680.655.607
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>850.712.329.050</b>	<b>829.749.809.132</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>850.712.329.050</b>	<b>829.749.809.132</b>
Vốn cổ phần	411	23	128.324.370.000	128.324.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411	a	128.324.370.000	128.324.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		636.060.646	636.060.646
Quỹ đầu tư phát triển	418		153.593.356.183	153.593.356.183
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		568.158.542.221	547.196.022.303
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421	a	547.196.022.303	414.775.186.521
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421	b	20.962.519.918	132.420.835.782
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.274.261.341.253</b>	<b>1.224.344.237.720</b>

Ngày 19 tháng 4 năm 2024

Người lập:



Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarakh Sinnarong  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý 1 năm 2024 này





**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		26.203.149.897	37.332.321.976
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		8.405.469.527	9.451.084.730
Các khoản dự phòng	03			255.828.056
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(6.024.557.768)	(7.457.258.840)
Chi phí lãi vay	06		717.823.532	3.221.892.494
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>29.301.885.188</b>	<b>42.803.868.416</b>
Biến động các khoản phải thu	09		25.079.838.020	38.608.396.399
Biến động hàng tồn kho	10		7.095.956.998	(9.077.577.000)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(46.049.477.752)	(47.367.590.801)
Biến động chi phí trả trước	12		(612.111.351)	1.197.210.925
			<b>14.816.091.103</b>	<b>26.164.307.939</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(701.765.185)	(2.569.873.483)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.016.588.217)	(10.311.262.401)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.097.737.701</b>	<b>13.283.172.055</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(15.717.644.719)	(2.555.911.380)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		143.629.630	
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(140.411.000.000)	(30.300.000.000)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24		56.700.000.000	10.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.759.284.202	3.048.801.989
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(97.525.730.887)</b>	<b>(19.807.109.391)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý 1 năm 2024 này



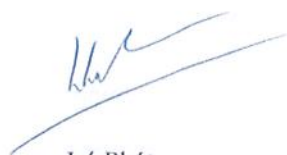
**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		139.249.271.043	169.781.224.974
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(61.607.545.793)	(163.944.699.495)
Tiền trả cổ tức	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>77.641.725.250</b>	<b>5.836.525.479</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(13.786.267.936)</b>	<b>(687.411.857)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>52.975.164.596</b>	<b>72.529.006.552</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>39.188.896.660</b>	<b>71.841.594.695</b>

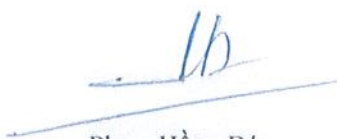
Ngày 19 tháng 4 năm 2024

Người lập:



Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:





**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính gecho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính gecho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm  
2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	4 năm

(g) **Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính gecho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 năm đến 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính gheo kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính gecho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm của báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Trong năm, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**(r) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính gecho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Tiền**

	<b>31/3/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	110.571.381	158.529.447
Tiền gửi ngân hàng	39.078.325.279	52.816.635.149
	<b>39.188.896.660</b>	<b>52.975.164.596</b>

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm.



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính gcho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm  
2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu của khách hàng**

	31/3/2024 VND	1/1/2024 VND
Các khách hàng lớn (Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Công ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam)	80.410.608.612	100.758.273.965
Các khách hàng khác	211.011.319.128	210.509.916.245
	<b>291.421.927.740</b>	<b>311.268.190.210</b>

**7. Trả trước cho người bán**

	31/3/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Công nghiệp PTS	10.826.148.648	6.504.841.108
Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel	1.892.794.097	-
RIVER SP SAS	1.170.021.248	-
Các nhà cung cấp khác	928.118.455	63.639.396
	<b>14.817.082.448</b>	<b>6.568.480.504</b>

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/3/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi dự thu	7.773.586.896	3.637.518.901
Đặt cọc	270.100.000	318.100.000
Tạm ứng cho nhân viên	8.078.760	2.000.000
Khác	24.174.819	49.384.725
	<b>8.075.940.475</b>	<b>4.007.003.626</b>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Số ngày quá hạn	31/3/2024			1/1/2024			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>							
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	126.550.512	63.275.256	63.275.256	Không áp dụng	126.550.512	63.275.256	63.275.256
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	376.934.200	376.934.200	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	376.934.200	376.934.200	-
Từ 3 năm dưới 2 năm	111.506.224	55.753.112	55.753.112	Từ 6 tháng đến 1 năm	111.506.224	55.753.112	55.753.112
Từ 6 tháng đến 3 năm	211.494.264	166.929.263	44.565.001	Từ 6 tháng đến 3 năm	211.494.264	166.929.263	44.565.001
Các khách hàng khác							
	826.485.200	662.891.831	163.593.369		826.485.200	662.891.831	163.593.369

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu kỳ	662.891.831	1.309.237.093
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(464.391.093)
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(181.954.169)
Số dư cuối kỳ	<b>662.891.831</b>	<b>662.891.831</b>

## 10. Hàng tồn kho

	31/3/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	4.078.266.719	-
Nguyên vật liệu	135.151.586.827	-	137.155.938.843	-
Công cụ và dụng cụ	228.490.288	-	259.521.851	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.144.761.966	-	4.156.292.819	-
Thành phẩm	10.569.909.498	(790.958.749)	11.560.470.970	(790.958.749)
Hàng hóa	70.152.000	-	-	-
Hàng gửi đi bán	1.112.031.762	-	162.398.137	-
	<b>150.276.932.341</b>	<b>(790.958.749)</b>	<b>157.372.889.339</b>	<b>(790.958.749)</b>

## 11. Chi phí trả trước

### (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/3/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí thuê đất và phí sử dụng hạ tầng	1.546.939.282	-
Công cụ và dụng cụ	908.207.157	819.742.358
Chi phí bảo hiểm trả trước	9.600.000	28.326.000
Sửa chữa và bảo trì	144.036.451	238.001.293
Khác	345.171.448	310.316.230
	<b>2.953.954.338</b>	<b>1.396.385.881</b>

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Sửa chữa và bảo trì VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	122.696.352.739	2.024.568.849	1.340.028.564	994.183.292	127.055.133.444
Tăng trong năm	-	196.962.800	496.450.464	192.280.000	885.693.264
Phân bổ trong năm	(871.490.418)	(313.725.404)	(386.117.290)	(259.817.258)	(1.831.150.370)
Số dư cuối kỳ	121.824.862.321	1.907.806.245	1.450.361.738	926.646.034	126.109.676.338

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	140.213.459.184	504.664.293.237	17.334.543.871	11.544.892.622	301.130.364	674.120.286.278
Tăng trong năm	-	-	-	37.500.000	-	37.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(952.026.112)	-	-	-	(952.026.112)
Số dư cuối năm	140.213.459.184	890.740.741	17.334.543.871	11.582.392.622	301.130.364	674.096.500.907
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	81.410.570.199	428.240.188.736	14.822.382.891	10.739.092.605	270.192.864	535.482.427.295
Khấu hao trong năm	1.441.082.454	6.463.503.091	343.859.976	149.780.257	3.093.750	8.401.319.528
Thanh lý, nhượng bán	-	(937.602.053)	-	-	-	(937.602.053)
Số dư cuối năm	82.851.652.653	433.766.089.774	15.166.242.867	10.888.872.862	273.286.614	542.946.144.770
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	58.808.743.217	76.424.104.501	2.512.160.980	861.912.785	30.937.500	138.637.858.983
Số dư cuối năm	57.423.773.531	70.836.918.092	2.168.301.004	693.519.760	27.843.750	131.150.356.137

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 là các tài sản có nguyên giá 369.403.450.898 VND đã khấu hao hết (1/1/2024: 351.708.450.129 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Nhãn hiệu VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	232.020.000	2.715.334.724	100.667.889	3.048.022.613
Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	232.020.000	2.715.334.724	100.667.889	3.048.022.613
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	232.020.000	2.635.101.390	100.667.889	2.967.789.279
Khấu hao trong kỳ	-	4.149.999	-	4.149.999
Số dư cuối kỳ	232.020.000	2.639.251.389	100.667.889	2.971.939.278
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	-	80.233.334	-	80.233.334
Số dư cuối kỳ	-	76.083.335	-	76.083.335

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 là các tài sản có nguyên giá 2.965.022.613 VND đã được khấu hao hết (1/1/2024: 2.965.022.613 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ quý 1 kết thúc ngày	
	31/3/2024 VND	31/12/2023 VND
Số dư đầu kỳ	12.882.207.253	6.608.512.000
Tăng trong kỳ	1.491.067.630	24.158.527.770
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(17.884.832.517)
Số dư cuối kỳ	14.373.274.883	12.882.207.253

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm**  
**2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/3/2024 VND	1/1/2024 VND
Máy móc	12.973.274.883	12.482.207.253
Nhà xưởng Lộc An – Bình Sơn	1.400.000.000	400.000.000

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/3/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	1.136.131.101	1.136.131.101
Khác	20%	1.330.385.029	1.330.385.029
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		<b>2.466.516.130</b>	<b>2.466.516.130</b>

**16. Phải trả cho người bán**

	31/3/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	86.611.844.687	106.490.146.458
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	33.760.761.282	32.493.664.080
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	34.320.550.176	27.490.499.712
Các nhà cung cấp khác	113.857.704.903	135.886.951.270
	<b>268.550.861.048</b>	<b>302.361.261.520</b>
<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>268.550.861.048</b>	<b>302.361.261.520</b>

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	31/3/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.832.210.539	36.575.556.088	(5.171.766.489)	(31.763.732.495)	1.472.267.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.016.588.217	5.240.629.979	(8.016.588.217)	-	5.240.629.979
Thuế thu nhập cá nhân	1.084.543.411	4.516.134.884	(4.963.405.593)	-	637.272.702
Thuế khác	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
	10.933.342.167	46.333.320.951	(18.152.760.299)	(31.763.732.495)	7.350.170.324

**(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2024 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	31/3/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	31.763.732.495	(31.763.732.495)	-



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm  
2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Chi phí phải trả**

	31/3/2024 VND	1/1/2024 VND
Lương bổ sung (Thưởng nhân viên)	12.100.988.950	27.041.143.148
Chi phí nghĩ máy	1.260.000.000	-
Chi phí biệt phái và dịch vụ nội bộ	1.007.002.041	-
Chi phí điện	659.387.184	591.941.310
Chi phí bảo hộ lao động	579.600.000	-
Chi phí quà tặng Người lao động và Khách hàng	411.162.600	-
Chi phí kiểm toán BCTC	135.750.000	-
Chi phí khác	231.718.174	-
	<u>16.385.608.949</u>	<u>27.633.084.458</u>

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay ngắn hạn**

	1/1/2024		Biến động trong năm		31/3/2024	
	VND		Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	33.607.545.793		139.249.271.043	61.607.545.793	111.249.271.043	
Số có khả năng trả nợ	33.607.545.793				111.249.271.043	

Số dư của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH  
Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Hà Nội  
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Đồng Nai

Loại tiền	31/3/2024		1/1/2024	
	VND		VND	VND
VND	44.095.288.161		44.095.288.161	33.607.545.793
VND	52.653.429.825		52.653.429.825	-
VND	14.500.553.057		14.500.553.057	-
	111.249.271.043		111.249.271.043	33.607.545.793

Các khoản vay trên không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả cho các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	31.3.2024 VND	2023 VND
Số dư đầu kỳ	273.155	262.357.266
Phân bổ trong kỳ	-	-
Sử dụng trong kỳ	-	(262.084.111)
Số dư cuối kỳ	273.155	273.155

## 21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu năm	5.680.655.507
Dự phòng trích lập trong năm	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(16.755.740)
Số dư cuối năm	5.663.899.767

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	444.803.089.101	727.356.875.930
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	132.420.835.782	132.420.835.782
Cổ tức (*)	-	-	-	(30.027.902.580)	(30.027.902.580)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	547.196.022.303	829.749.809.132
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	547.196.022.303	829.749.809.132
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	20.962.519.918	20.962.519.918
Cổ tức (*)	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2024</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	568.158.542.221	850.712.329.050

(\*) Tại cuộc họp ngày 24 tháng 3 năm 2023 Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức với số tiền là 30.027.902.580 VND.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/3/2024 và 1/1/2023	
	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 như sau

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu
TCG Solutions Pte. Ltd	12.076.587	120.765.870.000	94,11%
Các cổ đông khác	755.850	7.558.500.000	5,89%
	12.832.437	128.324.370.000	100%

Công ty mẹ, TCG Solutions Pte. Ltd. được thành lập tại Singapore. Công ty mẹ cấp cao nhất, The Siam Cement Public Company Limited, được thành lập tại Thái Lan.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/3/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	30.070,17	565.833.318	39.064,7	940.273.884
EUR	261,65	6.725.065	261,47	6.906.505
		<hr/>		<hr/>
		572.558.383		947.180.389
		<hr/>		<hr/>

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	343.131.409.193	337.689.195.809
▪ Phế liệu đã bán	13.684.092.615	12.153.978.201
	356.815.501.808	349.843.174.010
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(30.526.511)	-
▪ Chiết khấu thương mại	(112.219.837)	(62.335.497)
▪ Hàng bán bị trả lại	(54.830.742)	(828.577.766)
	(197.577.090)	(890.913.263)
	356.617.924.718	348.952.260.747

**26. Giá vốn hàng bán**

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	289.218.737.616	275.153.743.095
▪ Khác	13.086.128.310	11.996.352.521
	302.304.865.926	287.150.095.616

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	5.895.352.197	7.457.258.840
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	160.255.285	80.904.918
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
	6.055.607.482	7.538.163.758

**28. Chi phí tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	717.823.532	3.221.892.494
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	(68.935.235)	148.097.224
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
	648.888.298	3.369.989.718

**29. Chi phí bán hàng**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	10.996.520.272	4.422.198.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.572.438.769	12.091.983.787
Chi phí bằng tiền khác	1.059.378.895	946.212.311
	23.628.337.936	17.460.394.976



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.808.322.116	5.868.239.498
Chi phí vật liệu quản lý		37.883.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	338.323.318	250.302.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	141.633.186	242.911.137
Thuế, phí, lệ phí	29.915.156	32.529.606
Chi phí dự phòng		255.828.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	542.126.946	559.354.286
Chi phí bằng tiền khác	4.343.911.728	3.689.990.362
	<hr/>	<hr/>
	11.204.232.450	10.937.039.291

31-CCTP  
1/21

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024 VND	2023 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	5.240.629.979	7.495.348.974
	<u>5.240.629.979</u>	<u>7.495.348.974</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời		
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<u>5.240.629.979</u>	<u>7.495.348.974</u>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.203.149.897	37.332.321.976
Thuế theo thuế suất của Công ty	5.240.629.979	7.466.464.395
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	28.884.579
	<u>5.240.629.979</u>	<u>7.495.348.974</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật thuế thu nhập hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**32. Giải trình lợi nhuận sau thuế giảm trên 10%**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của quý 1.2024 giảm so với cùng kỳ: chủ yếu do giá mua nguyên liệu chính (giấy cuộn) tăng trong khi giá bán giảm.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ quý 1 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	20.962.519.918	29.836.973.002
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	20.962.519.918	29.836.973.002

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024	2023
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	12.832.437	12.832.437
Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024	12.832.437	12.832.437

**34. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024

Người lập:

Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:

Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekavich Simnarong  
Tổng Giám đốc